

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/KDTM-ST

Ngày: 22/12/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Dung

2. Bà Hồ Thị Kim Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-KDTM ngày 12/10/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 708/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH H

Địa chỉ: Lô I-4 đường số 1, KCN Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Wara R

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Công T

Địa chỉ: 277 đường A, phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P

Địa chỉ: Tầng 1, số 109 đường số 4, khu vực A, phường K, quận N, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn Bé B

(*Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn H và Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P ký kết hợp đồng kinh tế số PB-CT/120/2018 để mua bán phân bón URE và phân NPK các loại. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P đã nhiều lần đặt hàng và được Công ty trách nhiệm hữu hạn H giao hàng đầy đủ. Số liệu thể hiện trên Giấy báo nợ chi tiết lập ngày 24/4/2019 có xác nhận của hai bên cho thấy, tổng giá trị hàng hóa đã mua bán là 1.089.800.000đồng nhưng bên bán mới thanh toán được số tiền 607.800.000 đồng, còn lại 482.000.000 đồng, sau đó bên Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P thanh toán thêm được 30.000.000 đồng. Trong Biên bản làm việc ngày 05/6/2019 hai bên xác nhận lại số công nợ còn lại là 452.000.000 đồng và Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P đề nghị cho được thanh toán làm nhiều lần nhưng sau đó cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã hẹn. Do đó, Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH H số tiền nợ gốc và lãi phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất là 2%/tháng (tương đương 0,067%/ngày) tính từ ngày quá hạn thanh toán theo từng hóa đơn cho đến ngày thanh toán xong công nợ. Cụ thể: Tiền nợ gốc (tiền mua hàng) là 452.000.000đồng; Tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/8/2020 là 226.773.694đồng; Tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2020 là 678.773.694 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ kiện nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc; đối với tiền lãi yêu cầu tính từ thời điểm ghi trên từng hóa đơn đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất là 15%/năm (tương ứng với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường). Đối với số tiền 30.000.000đồng mà Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P thanh toán sau cùng sẽ được trừ vào hóa đơn ngày 28/3/2018.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo đó, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn nhiều lần với tổng giá trị 1.089.800.000đồng thể hiện trên Giấy báo nợ chi tiết ngày 24/4/2019 có xác nhận của các bên nhưng bị đơn mới thanh toán số tiền 637.800.000đồng, còn nợ lại 452.000.000đồng mà bị đơn đã xác nhận tại Biên bản làm việc ngày 05/6/2019. Điều này chứng minh bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền này là có cơ sở. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi phạt chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất là 15%/năm tính từ ngày quá hạn thanh toán theo từng hóa đơn. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa

vụ thanh toán cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH H khởi kiện Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P về trách nhiệm thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết giữa các bên nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P có trụ sở tại quận N, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thực hiện hợp đồng kinh tế số PB-CT/120/2018 ngày 02/01/2018 đã ký giữa các bên, nguyên đơn đã nhiều lần giao cho bị đơn mặt hàng phân bón URE và phân NPK các loại với tổng giá trị hàng hóa là 1.089.800.000đồng. Bị đơn đã thanh toán được số tiền 607.800.000đồng, còn nợ lại 482.000.000đồng theo “Giấy báo nợ chi tiết” tính đến ngày 24/4/2019 có xác nhận của bị đơn. Sau đó, bị đơn thanh toán thêm số tiền 30.000.000đồng và đến ngày 05/6/2019, hai bên đã lập và ký “Biên bản làm việc v/v đối chiếu và thanh toán công nợ”, xác nhận số tiền hàng bị đơn còn nợ là 452.000.000đồng cũng như lịch thanh toán nợ. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện thỏa thuận này nên nguyên đơn khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng thì thời hạn thanh toán nợ sẽ thể hiện trên hóa đơn bán hàng theo từng thời điểm nhận hàng và mục 3.2.2 của hợp đồng cũng quy định nếu bị đơn thanh toán trễ hạn thì phải trả thêm lãi suất 2%/tháng trên tổng số tiền quá hạn. Theo giấy báo nợ chi tiết tính đến ngày 24/4/2019, số tiền bị đơn còn nợ là 482.000.000đồng và thời gian trả nợ cụ thể trên từng hóa đơn như sau:

- Hóa đơn số 0000863 ngày 28/3/2018: số tiền 162.000.000đồng, thời hạn thanh toán ngày 26/6/2018.

- Hóa đơn số 0000911 ngày 12/4/2018: số tiền 106.600.000đồng, thời hạn thanh toán ngày 11/7/2018.

- Hóa đơn số 0000982 ngày 03/5/2018: số tiền 109.000.000đồng, thời hạn thanh toán ngày 01/8/2018.

- Hóa đơn số 0001304 ngày 28/6/2018: số tiền 61.200.000đồng, thời hạn thanh toán ngày 28/7/2018.

- Hóa đơn số 0001303 ngày 28/6/2018: số tiền 43.200.000đồng, thời hạn thanh toán ngày 13/7/2018.

Số tiền 30.000.000đồng bị đơn thanh toán sau ngày 24/4/2019, nguyên đơn xác định trừ vào hóa đơn số 0000863 nên số tiền của hóa đơn này còn lại là

132.000.000đồng. Do đó, tổng cộng số tiền hàng bị đơn còn nợ nguyên đơn là 452.000.000đồng phù hợp với xác nhận tại Biên bản làm việc ngày 05/6/2019.

Mặt khác, Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Do đó, việc bị đơn không thanh toán tiền hàng đúng thời hạn đã thỏa thuận nên phải trả toàn bộ tiền hàng còn nợ lại và phải chịu tiền lãi là phù hợp.

Về mức lãi suất: trong hợp đồng các bên thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương 24%/năm) nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 15%/năm, mức lãi này tương đương với lãi suất trung bình hiện đang áp dụng của 3 ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Yêu cầu này của nguyên đơn có lợi cho bị đơn so với thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Cụ thể, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/12/2021) như sau:

- Tiền lãi đối với số tiền 132.000.000đồng theo hóa đơn số 0000863 ngày 28/3/2018 từ ngày 27/6/2018 là: 69.025.000đồng.

- Tiền lãi đối với số tiền 106.600.000đồng theo hóa đơn số 0000911 ngày 12/4/2018 từ ngày 12/7/2018 là: 55.076.667đồng.

- Tiền lãi đối với số tiền 109.000.000đồng theo hóa đơn số 0000982 ngày 03/5/2018 từ ngày 02/8/2018 là: 55.408.333đồng.

- Tiền lãi đối với số tiền 61.200.000đồng theo hóa đơn số 0001304 ngày 28/6/2018 từ ngày 29/7/2018 là: 31.186.500đồng.

- Tiền lãi đối với số tiền 43.200.000đồng theo hóa đơn số 0001303 ngày 28/6/2018 từ ngày 14/7/2018 là: 22.284.000đồng.

Tổng số tiền lãi là: 232.980.500đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 22/12/2018 là: 684.980.500đồng.

Quá trình giải quyết vụ kiện, Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H dù được Tòa án đã nhiều lần triệu tập. Từ đó cho thấy, Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H.

[3] Từ những nhận định trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H:

Buộc Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH H số tiền 684.980.500đồng (*Sáu trăm tám mươi tư triệu chín trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*), trong đó nợ gốc là 452.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi hai triệu đồng*), nợ lãi tính đến ngày 22/12/2021 là 232.980.500đồng (*Hai trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*) và lãi phát sinh từ ngày 23/12/2021 theo mức lãi suất 15%/năm cho đến khi dứt nợ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P phải chịu 31.399.000đồng (*Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng*) – Đã làm tròn số. Hoàn lại cho Công ty TNHH H 15.575.500đồng (*Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003076 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- CCTHADS Q.N;
- TANDTP. Cần Thơ
- Lưu hồ sơ.

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Thúy Mai